TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 23-10-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, lãi suất vay và tiền hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Như Học.

Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, lãi suất vay và tiền hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ông Dương Văn A, sinh năm 1971(có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn L, sinh năm 1954 *(chồng bà S, xin vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N Căn, tỉnh Cà Mau.

Người làm chứng: Chị Dương Mỹ V, sinh năm 1997 (con ruột ông A, bà H, có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Huỳnh Thị S trình bày yêu cầu:***

Bà Huỳnh Thị S yêu cầu ông Dương Văn A và bà Phạm Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà tổng số tiền hụi, tiền vay và lãi suất là 416.650.000 đồng, trong đó tiền vốn vay là 250 triệu đồng, tiền lãi là 45.650.000 đồng, tiền hụi đã đóng đến ngày 18/9/2019 là 85.000.000 đồng, số tiền phải đóng đến khi mãn hụi là 36.000.000 đồng, cụ thể:

Về tiền vay:

Trước năm 2017, ông A và bà H có vay của bà S nhiều lần, đến ngày 07/9/2017, ông A và bà H trả cho bà S các khoản vay trước đó, chỉ còn nợ lại 50.000.000 đồng.

Từ năm 2017 đến tháng 4 năm 2018, ông A bị bệnh thì bà S có vay giùm nhiều lần cho ông A trị bệnh với số tiền 35.000.000 đồng và có hỏi vay giùm ông A và bà H số tiền 5.000.000 đồng. Tổng cộng bằng 40.000.000 đồng.

Cũng trong năm 2018, ông A có nhận 50.000.000 đồng cho người em ruột ông A nhưng ông A không giao cho người em đó mà tự giữ sử dụng.

Tháng 3/2018, bà S dự định cố phần đất của ông A và bà H nên đã giao cho ông A và bà H số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng. Sau đó việc thực hiện hợp đồng cầm cố không thành nên bà S không nhận cố đất, phía ông A và bà H không giao trả lại 40.000.000 đồng.

Ngày 11.4.2018 bà S cho ông A vay thêm số tiền 20.000.000 đồng.

Từ 30/4/2018 đến 20/7/2018 bà H không đóng hụi chết và vay thêm với số tiền 48.000.000 đồng, bà S đưa thêm bà H 2.000.000 đồng, cộng lại bằng 50.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vay là 250.000.000 đồng.

Về lãi suất:

Bà S yêu cầu ông A và bà H phải trả lãi trên số tiền vay 250.000.000 đồng, lãi suất là 1.66%/tháng/250.000.000 đồng, tính từ ngày 30/8/2018 đến nay (ngày 22/7/2019) bằng 45.650.000 đồng.

Về nợ hụi:

Từ năm 2016 đến năm 2018, bà S tham gia giùm ông A và bà H 07 chân hụi, trong đó có 01 chân hụi loại 1.000.000 đồng, 06 chân hụi loại hụi 500.000 đồng. Từ ngày 30/8/2018, bà H bỏ địa phương đi cho đến nay nên các bên không có đối chiếu về khoản nợ. Tuy nhiên bà S đã đóng giùm ông A và bà H 06 chân hụi 500.000 đồng và 01 chân hụi 1.000.000 đồng với số tiền 85.000.000 đồng. Do các chân hụi chưa mãn nên bà S còn phải đóng hụi chết giùm bà H và ông A là 36.000.000 đồng đến khi mãn hụi.

Thời gian vay nợ và chơi hụi thì bà H và ông A chưa ly hôn, khi vay tiền và giao nhận tiền hụi thì không có làm biên nhận, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Tuy nhiên có 01 khoản vay 200.000.000 đồng thì ông A có ký nhận.

**** Tại bản tự khai ngày 14 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – Bà Phạm Thị H trình bày:***

Bà H thống nhất về thời gian tham gia hụi, số nợ hụi, tiền vay và lãi suất như bà S trình bày là đúng. Nay bà H xác định còn nợ bà S số tiền vay, lãi suất vay và tiền hụi còn nợ là 416.650.000 đồng và đồng ý thanh toán số nợ này. Mục đích vay nợ và nhờ tham gia hụi giùm nhằm để chữa bệnh cho ông A, phục vụ đời sống trong gia đình, lo cho các người con ăn học. Trong các giao dịch hụi, tiền vay thì có chị Dương Mỹ V (con ruột bà H, ông A) chứng kiến.

Bà H và ông A ly hôn được Tòa án giải quyết vào ngày 25/12/2018.

**** Tại bản tự khai ngày 14 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – Ông Dương Văn A trình bày:***

Ông A thừa nhận chỉ có nợ bà S khoản tiền vay là 140.000.000 đồng và có nhờ bà S tham gia giùm 01 chân hụi loại hụi 1.000.000 đồng. Có nợ khoản tiền lãi và tiền đóng hụi giùm của bà S từ ngày 15/9/2018 đến nay nhưng không biết rõ số tiền cụ thể. Còn các khoản nợ khác thì ông A không biết rõ.

Ông A xác định có ký tên trong quyển sổ do bà S quản lý, xác nhận có vay của bà S 180.000.000 đồng vào ngày 6/4/2018, đến ngày 11/4/2018 theo thỏa thuận là bà S có giao cho ông A 20.000.000 đồng. Tổng cộng ông A vay của bà S 200 triệu đồng.

Ngày 25/12/2018, ông A và bà H làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, về phần tài sản chung và công nợ thì tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ bà S thì ông A và bà H đến nay vẫn chưa thỏa thuận được.

Ông A không đồng ý trả cho bà S tổng số tiền bằng 416.650.000 đồng vì ông A không biết rõ khoản nợ của ông A và bà H thiếu bà S. Trong gia đình trước đây có nhiều giao dịch hụi do bà H trực tiếp thực hiện với bà S, ông A không tham gia vì có thời gian ông bị bệnh phải đi điều trị. Trường hợp ông A và bà H còn nợ bà S thì yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Tại bản tự khai ngày 14 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L trình bày:***

Ông L là chồng bà S, là sui gia với ông A và bà H, làm sui vào năm 2016. Việc bà S cho ông A, bà H vay tiền và tham gia hụi giùm thì ông L không biết rõ. Đối với khoản tiền vay 200 triệu đồng do ông A ký xác nhận thì ông L biết vì ông có đến nhà ông A và thấy ông A ký tên xác nhận nợ. Theo tập quán địa phương thì các giao dịch tiền bạc như chơi hụi thì do vợ thực hiện nhưng đều để tên chồng (5 L), thực chất thì ông L không tham gia.

**** Tại phiên tòa:***

- Bà S bảo lưu quan điểm nêu trên. Buộc ông Dương Văn A và bà Phạm Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà số tiền vốn vay là 250 triệu đồng, tiền lãi suất tính từ ngày 30/8/2018 đến nay với mức lãi suất là 1.66%/tháng/250.000.000 đồng, tiền hụi đã đóng thay đến ngày 23/10/2019 là 94.000.000 đồng và tiền đóng hụi chết đến khi mãn hụi là 27.000.000 đồng. Đối với số nợ vay, bà S đòi nhiều lần nhưng bà H và ông A hứa hẹn, vẫn không trả nợ. Lý do bà S cho ông A, bà H vay nợ nhiều lần và chơi hụi giùm vì quan hệ sui gia và vuông tôm của gia đình ông A xổ thất nhiều năm nên không có tiền điều trị bệnh, đóng hụi.

Đối với các khoản vay giùm, bà S đã thanh toán xong. Hụi của bà C, bà Bé H, ông L và bà L1 thì bà S đã đóng hụi chết đầy đủ nên không liên quan đến bà C, bà Bé H, ông L và bà L1 và không yêu cầu Tòa án xem xét các giao dịch hụi này.

- Bà H trình bày: Bảo lưu quan điểm nêu trên, yêu cầu ông A cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà S các khoản tiền hụi, tiền vay và lãi suất như bà S yêu cầu vì các khoản nợ này hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông A, mục đích vay tiền và tham gia hụi nhằm phục vụ cho sinh hoạt gia đình, điều trị bệnh cho ông A. Đối với số nợ vay, thì bà S có đòi nhiều lần nhưng bà H và ông A không có điều kiện thanh toán nợ.

- Ông A trình bày: Ông A bảo lưu quan điểm nêu trên, ông A xác định có vay tiền của bà S nhiều lần và có nhờ bà S vô hụi giùm nhưng số tiền cụ thể thì ông không rõ. Từ ngày 30/7/2018 âm lịch đến nay, ông A và bà H đều không trả nợ vay, đóng lãi và không đưa tiền cho bà S đóng hụi chết. Ông A xác định bản thân bị bệnh, các giấy tờ bệnh án đã nộp cho Tòa án. Đối với khoản nợ bà S khởi kiện, ông A yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Chị Dương Mỹ V trình bày: Tất cả các khoản tiền mà bà H, ông A nợ bà S là đúng sự thật, ông A biết rõ các khoản nợ này vì bà H không dám tự ý vay mượn nợ, nhờ tham gia hụi, gia đình ông A, bà H có vuông tôm nhưng nhiều năm liền bị thất mùa.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị S: Buộc ông Dương Văn A và bà Phạm Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà S tiền vốn vay là 250 triệu đồng, tiền lãi suất 1.66%/tháng/250.000.000 đồng tính từ ngày 30/8/2018 đến nay, tiền hụi đã đóng thay là 94 triệu đồng và khoản tiền hụi chết phải đóng đến khi mãn hụi là 27 triệu đồng. Về án phí: Buộc ông Dương Văn A và bà Phạm Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Thị S yêu cầu ông Dương Văn A và bà Phạm Thị H thanh toán khoản tiền vốn vay, lãi suất vay và tiền hụi, đây là tranh chấp dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Văn L có yêu cầu vắng mặt phiên xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Trần Văn L.

Áp dụng pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự phát sinh từ năm 2016 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để tính án phí.

[2]. Về nội dung vụ án

Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị S: Bà Huỳnh Thị S yêu cầu phía bị đơn ông Dương Văn A và bà Phạm Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà tiền vốn vay là 250 triệu đồng, tiền lãi suất tính từ ngày 30/8/2018 đến nay với mức lãi suất 1.66%/tháng/250.000.000 đồng, tiền hụi đã đóng thay đến ngày xét xử (23/10/2019) là 94.000.000 đồng và tiền hụi phải đóng đến khi mãn là 27.000.000 đồng. Tại phiên tòa bà H, ông A thừa nhận có vay tiền và nhờ bà S tham gia hụi giùm. Bà H thừa nhận toàn bộ số nợ do bà S trình bày là đúng, ông A chỉ thừa nhận còn nợ bà S số tiền vay là 140.000.000 đồng và có nhờ bà S tham gia giùm một chân hụi, loại hụi 01 triệu, thừa nhận còn nợ bà S lãi suất tiền vay, còn các khoản nợ khác thì ông không biết. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: "*một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy việc vay nợ và giao dịch hụi giữa các đương sự là có xảy ra.

Quá trình vay nợ và nhờ tham gia hụi thì giữa các bên không có làm biên nhận, ông A chỉ ký tên trong quyển sổ do bà S quản lý, xác nhận số nợ vay là 200.000.000 đồng. Ông A và bà H nhờ bà S hốt hụi nhưng không đóng hụi chết đầy đủ. Từ ngày 30/8/2018 đến nay thì ông A, bà H không đóng lãi vay và trả nợ gốc làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà S nên bà làm đơn khởi kiện là có căn cứ.

Về tiền vay: Bà S yêu cầu bà H và ông A cùng có trách nhiệm trả tiền vốn vay là 250.000.000 đồng. Việc vay nợ tuy không làm biên nhận nhưng bà H thừa nhận khoản nợ vay này. Ông A xác định có ký tên trong quyển sổ do bà S quản lý, xác nhận có vay của bà S 180.000.000 đồng vào ngày 6/4/2018, đến ngày 11/4/2018 theo thỏa thuận là bà S có giao cho ông A 20.000.000 đồng. Từ 30/4/2018 đến 20/7/2018 bà H và ông A không đóng hụi và vay thêm số tiền 48.000.000 đồng, bà S đưa thêm bà H 2.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền

vay là 250.000.000 đồng. Khi vay các bên không có hứa hẹn ngày thanh toán nợ, bà S đã đòi nhiều lần nhưng bà H và ông A không trả khoản tiền vay. Bà S, ông A và bà H không yêu cầu giám định đối với chữ ký tên của ông A.

Về lãi suất: Bà S yêu cầu ông A và bà H phải trả lãi đối với số tiền vay 250.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 30/8/2018 đến nay với mức lãi suất là 1.66%/tháng/250.000.000 đồng. Ông A và bà H đều thừa nhận có nhờ bà S vay giùm và có vay tiền của bà S nhiều lần, các bên không phản đối mức lãi suất do bà S yêu cầu nên buộc ông A và bà H có trách nhiệm thanh toán lãi suất tính từ ngày 30/8/2018 đến nay (ngày 23/10/2019) bằng 01 năm 01 tháng 23 ngày với số tiền 57.361.000 đồng, mức lãi suất do bà S yêu cầu phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về nợ hụi:

Đối với yêu cầu khoản tiền đóng hụi chết giùm, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 7 năm 2019 bà S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H và ông A phải trả khoản tiền đã đóng hụi chết là 79.000.000 đồng số tiền phải đóng đến khi mãn hụi là 42.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà S thay đổi yêu cầu là buộc bà H và ông A có trách nhiệm cùng trả cho bà số tiền hụi đã đóng là 94.000.000 đồng và số tiền hụi còn lại là 27.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: Ngày 14/11/2016, bà S có tham gia giùm ông A và bà H 02 chân hụi loại 500.000 đồng do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ, chủ hụi hưởng hoa hồng, gồm có 54 chân (mỗi tháng khui hai lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng), hụi mãn vào ngày 15/02/2019, bà S đã đóng giùm ông A và bà H 11 tháng bằng 16.000.000 đồng. Sau khi mãn hụi thì bà H bỏ địa phương đi (ngày 30/8/2018) cho đến nay nên các bên không có đối chiếu số nợ này.

Dây hụi thứ hai: Ngày 14/9/2016, bà S có tham gia giùm ông A và bà H 01 chân hụi loại 500.000 đồng do bà Đỗ Thị C làm chủ, chủ hụi hưởng hoa hồng, gồm có 64 chân (mỗi tháng khui hai lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng), hụi mãn ngày 15/3/2019, bà S đã đóng giùm ông A và bà H bằng 8.000.000 đồng

Dây hụi thứ ba: Ngày 15/10/ 2017, bà S có tham gia giùm ông A và bà H 01 chân hụi loại 500.000 đồng do bà Đỗ Thị C làm chủ, chủ hụi hưởng hoa hồng, gồm có 60 chân (mỗi tháng khui hai lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng), hụi mãn 15/4/2020 âm lịch. Bà S đã đóng giùm ông A và bà H từ ngày 30/8/2018 đến nay (14 kỳ x 500.000 đồng) với số tiền 14.000.000 đồng. Số tiền còn phải đóng đến khi mãn hụi bằng 5.000.000 đồng.

Dây hụi thứ tư: Ngày 15/02/2018, bà S có tham gia giùm ông A và bà H 02 chân hụi loại 500.000 đồng do bà Đỗ Thị C làm chủ, chủ hụi hưởng hoa hồng, gồm có 64 chân (mỗi tháng khui hai lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng), hụi mãn vào ngày 15/09/2020 âm lịch. Bà S đã đóng giùm ông A và bà H từ ngày

30/8/2018 đến nay (28 kỳ x 2 x 500.000 đồng) với số tiền 28.000.000 đồng. Số tiền còn phải đóng là 22.000.000 đồng.

Dây hụi thứ năm: Ngày 15/8/2017, bà S có tham gia giùm ông A và bà H 01 chân hụi loại 1.000.000 đồng do bà Trần Mỹ L1, ông L làm chủ, chủ hụi hưởng hoa hồng, gồm có 50 chân (mỗi tháng khui hai lần vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng), bà S đã đóng giùm ông A và bà H bằng 28.000.000 đồng. Hụi mãn ngày 30/9/2019.

Số tiền bà S đóng giùm ông A và bà H đến nay là 94.000.000 đồng, số tiền hụi đóng đến khi mãn là 27.000.000 đồng. Tổng cộng bằng 121.000.000 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ

Bà H thừa nhận các khoản nợ theo yêu cầu của bà S và đồng ý thanh toán, ông A xác định có ký tên trong quyển sổ do bà S quản lý, xác nhận có vay của bà S 180.000.000 đồng vào ngày 6/4/2018, đến ngày 11/4/2018 theo thỏa thuận là bà S có giao cho ông A 20.000.000 đồng, mặc nhiên là ông A biết số nợ này. Ngày 30/4/2018 đến 20/7/2018 bà H, ông A không đóng hụi chết và có vay thêm với số tiền 48.000.000 đồng, bà S đưa thêm bà H 2.000.000 đồng. Từ ngày 30/7/2018 âm lịch đến nay, ông A và bà H đều không trả nợ vay, đóng lãi và đưa tiền cho bà S đóng hụi chết.

Mặt khác, các khoản nợ này trong thời kỳ hôn nhân của ông A và bà H, mục đích vay nợ và tham gia hụi nhằm lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, đóng hụi, chữa bệnh cho ông A, đóng lãi cho khoản nợ vay Ngân hàng do ông A và bà H thực hiện trước năm 2017 đến nay. Ông A cũng xác định mặc dù gia đình có đất vuông nhưng nhiều năm liền đều bị thất thu, bà H không tham gia tệ nạn xã hội. Qua đó cho thấy lời khai của bà S phù hợp với lời khai bệnh án do ông A cung cấp. Qua làm việc với người làm chứng (bút lục số 97) là người nhiều lần chứng kiến việc giao nhận tiền giữa ông A, bà H và bà S; Tại các biên bản xác minh ngày 13/7/2018 (bút lục số 62,63,74) bà Cúc, bà Bé Hai và anh Lĩnh đều trình bày: Biết việc bà S chơi giùm hụi cho ông A và bà H. Do ông A không đưa ra được chứng cứ chứng minh các khoản nợ trên là nợ riêng của bà H do đó ông A phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được, buộc ông A phải có trách nhiệm liên đới với bà H thanh toán cho bà S số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng, tiền lãi suất vay đến nay (ngày 23/10/2019) là 57.361.000 đồng, số tiền hụi bà S đã đóng giùm là 94.000.000 đồng, số tiền hụi phải đóng đến khi mãn là 27.000.000 đồng. Tổng cộng bằng 428.361.000 đồng là phù hợp theo quy định tại các điều 288, 463, 466, 469, 471 của Bộ luật dân sự, Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bà H và ông A chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền gốc theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Đối với khoản tiền lãi mà trước đây bà H và ông A đã đóng cho bà S thì ông A, bà H không yêu cầu xem xét.

Lời khai của bà S phù hợp với lời trình bày của bà H và chị V và phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó không đưa bà C, bà Bé H, ông L và bà L1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, do yêu cầu của bà S được chấp nhận toàn bộ nên ông A, bà H phải liên đới chịu án phí với số tiền là 21.418.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bà S được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

- Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 288, 463, 466, 468, 469, 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

[1]. Buộc bà Phạm Thị H và ông Dương Văn A có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị S số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng, tiền lãi suất vay đến nay (ngày 23/10/2019) là 57.361.000 đồng, số tiền hụi bà S đã đóng giùm là 94.000.000 đồng, số tiền hụi phải đóng đến khi mãn là 27.000.000 đồng. Tổng cộng bằng 428.361.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi mốt triệu đồng).

Kể từ bà S có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông A và bà H chậm thanh toán các khoản tiền nêu trên thì ông A và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

- Bà Phạm Thị H và ông Dương Văn A phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 21.418.000 đồng.

- Bà Huỳnh Thị S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.333.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006805 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

[3]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền